

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/11/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	19	0		19	0	
2		TD3	7:25	18	0		27	0	
3		TD5+TD3	7:25	1+0	0+0		20+12	0+0	
4		P8+P5	9:25	2+14	0+0		0+19	0+0	

TTPDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/11/2020	TO: TD2	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:25
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HHai - MMinh	ETA: 10:40
xanh-1			

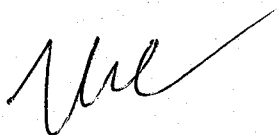
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PONOMARENKO A.N	TD2	66	1	3		111	KHOAN	Russian
2	HOANG MINH TAN	TD2				20	83	YTE	Vietnamese
3	OLEYNIK IVAN	TD2	70	1	7		72	KHOAN	Russian
4	NGUYEN VAN HAI	TD2	75	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
5	LE QUOC TOAN	TD2	82	1	2		55	KHOAN	Vietnamese
6	BUI HUU HONG	TD2					85	KHOAN	Vietnamese
7	VUONG DINH LIEN	TD2	73	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	LE VIET CHIEN	TD2	77	1	5	38	72	KHOAN	Vietnamese
9	DO VAN HUNG	TD2	69	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN HUNG HUNG	TD2	80	1	3		100	KHOAN	Vietnamese
11	LE HUY TUYEN	TD2	76	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
12	CAO VAN LOI	TD2	81	1	2		69	KHOAN	Vietnamese
13	MAI VAN HOANG	TD2	74	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
14	DOROSHENKO M.K	TD2	64	1	8		95	KHOAN	Russian
15	TA HUU HO	TD2	71-72	2	11		70	MI-SWASCO	Vietnamese
16	TRINH QUANG TIEN	TD2	83	1	11		70	MI-SWASCO	Vietnamese
17	PHAM SY HUNG	TD2	78	1	6		60	GETRACO	Vietnamese
18	PHAM XUAN HUY	TD2	65	1	5		85	GETRACO	Vietnamese
19	ĐAM MẠNH TƯỜNG	TD2	79	1	6		60	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	18	92	1.402	58	19		
	TOTAL	19	18	92	1.402	58	19		
	WEIGHT KG			92	1.402	58			

GRAND TOAL: 1.552 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	TO: TD3	CREW: Nam - VLinH - Huy	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KODZOEV M.M	TD3	61	1	12		88	KHOAN	Russian
2	FILIPPOV NIKOLAY	TD3	99	1	6		84	KHOAN	Russian
3	LUU QUYET THANG*TT	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN HOANG LAM	TD3	63	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
5	ĐẶNG HUY LONG	TD3	70	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
6	DƯƠNG HOANG LONG	TD3	67	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG ĐÌNH ĐÌNH	TD3					60	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG TUAN NAM*CAM-PVDT	TD3	72	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
9	KHÔNG QUỐC HUNG	TD3	66	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG NGOC NGHIA	TD3	68	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN TRUC TUYEN	TD3	64	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN ĐỨC THĂNG	TD3	65	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
13	VU TIEN LUC	TD3				40	67	KHOAN	Vietnamese
14	LE NGOC BINH	TD3	69	1	6		84	KHOAN	Vietnamese
15	PHUNG VAN XUYEN	TD3	71	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN PHU	TD3	74	1	8	145	75	D-HANH	Vietnamese
17	PHAM HAI ĐANG	TD3	73	1	7		70	D-HANH	Vietnamese
18	STUDENIKIN	TD3	52	1	7		70	NIPI	Russian
19	LE QUANG CUONG	TD3	62	1	11		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	19	16	100	1.347	185	22		
TOTAL		19	16	100	1.347	185	22		
WEIGHT KG				100	1.347	185			

GRAND TOAL: 1.632 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: TD5 - TD3	CREW: Hạnh - MTHAO - NNam	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU VAN PHONG	TD5	41	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	PHAM VAN BAO	TD5	42-43	2	7	60	73	YTE	Vietnamese
3	LUONG MINH PHUNG *TT	TD5	47-48	2	14		60	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM VAN HANH	TD5	58	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM VAN HUONG	TD5	55	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN NGOC LINH	TD5	51	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
7	NGO QUOC BAO	TD5	52	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TAT THANH	TD5	57	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
9	HO VAN TIEN	TD5	54	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN SY LE	TD5	44	1	9		59	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN THANH CONG	TD5	49-50	2	10		85	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN VAN DIEU	TD5	53	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VIET DUNG	TD5	62	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
14	DO VINH CUONG	TD5	60	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
15	BUI TAN BINH	TD5	59	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
16	LE VAN NGUYEN *CAM-PVDT	TD5	46	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN DUC MINH	TD5	65	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG VINH PHU	TD5	63-64	2	7		73	ANTOAN	Vietnamese
19	BUI DANG KHOA	TD5	66	1	5		60	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYEN THANH TUNG	TD5	61	1	10		63	ANTOAN	Vietnamese
21	PHAM QUANG HUY	TD5	56	1	3		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	21	25	130	1.442	60	20		
2	TD3	0	0	0	0	80	2		
TOTAL		21	25	130	1.442	140	22		
WEIGHT KG				130	1.442	140			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	TO: P8 - P5	CREW: Nam - VLinH - Huy	ETA: 11:10
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TUÂN ANH	P8	43-44	2	17		68	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO ĐỨC THAI	P8	45	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ TRỌNG HẠCH	P5	26	1	11		77	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN THAI DƯƠNG	P5	24	1	4		54	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH TÍNH	P5	19	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG HOÀN	P5	14-15	2	18		73	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ VĂN HÙNG	P5	27	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
8	ĐÀU CAO KHANG	P5	16	1	8		54	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN DUY LINH	P5	25	1	10		90	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM MINH THẮNG*PK-PVD	P5	21-22	2	10		68	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN VĂN THANH	P5	17	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
12	NGÔ HỒNG GIANG	P5	20	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
13	NG HOANG OANH-PVDT	P5	18	1	4		84	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN LÊN	P5	23	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
15	ĐÀO XUÂN THANH	P5	12	1	8	40	65	PSV	Vietnamese
16	PHẠM HỮU ANH	P5	13	1	4		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	2	3	27	148	0	0		
2	P5	14	16	100	972	40	19		
TOTAL		16	19	127	1.120	40	19		
WEIGHT KG				127	1.120	40			

GRAND TOAL: 1.287 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN